TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và bà Nguyễn Thị Huệ.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Minh Đức- Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Ông Phùng Văn Huấn- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/4/2022 và 24/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 173/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2021, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 08/4/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01 ngày 26/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1996.
HKTT: Thôn A, xã C, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt tại phiên tòa.
- Người làm chứng: Bà Vi Thị L- sinh năm 1969.
Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Biên bản ghi lời khai và ý kiến tại các buổi hòa giải làm

việc với Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Đình T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang ngày 27/9/2016. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H về quê nhà anh T tại thôn A, xã C, huyện Nam Sách chung sống. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế, anh T ham chơi, cờ bạc, rượu chè dẫn đến nợ nần phải bán nhà đất tại thôn A. Chị H đã phải đưa các con về nhà đẻ tại Bắc Giang sống, anh T có đến tìm đón, vợ chồng đã quay lại xã C sống nhưng phải thuê nhà người khác để ở, nhưng cũng chỉ được thời gian ngắn anh T lại đánh đuổi chị nên chị đã phải đưa 02 con về nhà đẻ tại Bắc Giang sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Mỗi lần anh T đến thăm con thì vợ chồng lại xảy ra xô xát. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 30/8/2016 và Nguyễn Đình Đ- sinh ngày 11/12/2019, hiện cả 02 con đang ở cùng với chị H tại nhà đẻ tại C, T, Lục Ngạn, Bắc Giang. Khi ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì thực tế anh T không có kinh tế và từ khi sinh các con đến nay chị H tự nuôi con một mình.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố ý không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm và ý kiến đối với vụ án nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an, Công an và Chính quyền địa phương thôn A, xã C đều xác định anh Nguyễn Đình T vẫn đăng ký cư trú tại thôn A, xã C, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương nhưng thường xuyên vắng nhà thỉnh thoảng mới về địa phương.

Người làm chứng bà Vi Thị L (mẹ đẻ chị H, mẹ vợ anh T) trình bày: Anh T và chị H đều được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang ngày 27/9/2016, hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H về quê nhà anh T ở A, C, Nam Sách chung sống. Quá trình chung sống bà được chị H thông báo vợ chồng luôn mâu thuẫn, anh T ham chơi, nợ nần phải bán cả nhà để trả nợ, chị H và các con đã phải về nhà bà ở đến nay. Mỗi lần anh T đến thăm vợ con thì lại mâu thuẫn, anh T

chửi bới, gây gổ và bạo hành vợ con. Gia đình bà đã nhiều lần khuyên giải anh T và chị H để tìm cách đoàn tụ nhưng không thành.

Việc ly hôn là quyền của chị H và anh T. Quan điểm của những người làm cha mẹ như bà luôn muốn các con đoàn tụ để các cháu đỡ khổ nhưng do đã mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Vợ chồng chị H anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 30/8/2016 và Nguyễn Đình Đ- sinh ngày 11/12/2019, hiện cả 02 cháu và chị H đang ở nhà bà tại thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, điều kiện ăn ở sinh hoạt đảm bảo. Nếu chị H được giao nuôi con, bà và gia đình cam kết hỗ trợ cho chị H nuôi dưỡng vì thực tế chị H cũng không có chỗ ăn ở nào khác, còn anh T thì đã bán hết nhà cửa trả nợ.

Tại phiên toà: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm như nội dung đã nêu ở trên.

Anh T vắng mặt không lý do.

Người làm chứng bà L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình T. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 30/8/2016 và Nguyễn Đình Đ- sinh ngày 11/12/2019 đến khi các con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; Về công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc chị Trần Thị H chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn anh Nguyễn Đình T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn A, xã C, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; không xuất cảnh ra nước ngoài nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn anh Nguyễn Đình T vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Người làm chứng bà Vi Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại hồ sơ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, bà L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Đình T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang ngày 27/9/2016, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T thấy rằng: Vợ chồng kết hôn năm 2016, hạnh phúc hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị H cho rằng anh T không chịu làm ăn mà ham chơi dẫn đến vay nợ phải bán cả nhà đất để trả nợ. Chị H cùng với con đã dọn đồ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang sống ly thân đến nay. Chị H đã thông báo việc làm thủ tục ly hôn tại TAND huyện Nam Sách, tại buổi hòa giải theo trình tự hòa giải đối thoại tại Tòa án, anh T có đến tham gia và còn đánh đập chị H rồi bỏ về sau đó Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh T không có mặt và làm việc. Quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị H không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H xin ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

[4] Về con chung: Xác định các cháu Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 30/8/2016 và Nguyễn Đình Đ- sinh ngày 11/12/2019 là con chung của anh Nguyễn

Đình T và chị Trần Thị H, hiện các cháu đang sống ổn định cùng chị H. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; anh Nguyễn Đình T vắng mặt, không có quan điểm. Vì vậy, cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H vì chị H tự nguyện không yêu cầu và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Nguyên đơn chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết; bị đơn anh Nguyễn Đình T không có quan điểm nên không phải giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Minh T1- sinh ngày 30/8/2016 và Nguyễn Đình Đ- sinh ngày 11/12/2019 đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Chị Trần Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Đình T cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Đình T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0003565 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Thanh Hải (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách